

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019 (Tài liệu phục vụ Kỳ họp lần thứ 9 - HĐND tỉnh khóa XVII)

Sáu tháng đầu năm 2019, bên cạnh những thuận lợi từ những kết quả tích cực đã đạt được trong năm 2018, tỉnh Nghệ An thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều đợt nắng nóng trên diện rộng, hiện tượng mưa kèm theo lốc xoáy gây thiệt hại tại một số địa phương; tình hình dịch bệnh phát sinh gây hại, nhất là dịch tả lợn châu Phi, bệnh đao ôn trên lúa...; giá cả của một số mặt hàng thiết yếu tăng (xăng dầu, điện, gas...) đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của các tầng lớp dân cư; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn....

Tuy nhiên, nhờ có sự chỉ đạo tập trung, điều hành tích cực của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp nên dự kiến kết quả thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 vượt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao và tăng so với cùng kỳ; nhất là các khoản thu nội địa đảm bảo được nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán của HĐND tỉnh giao từ đầu năm.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019.

1. Thu ngân sách nhà nước

Dự toán HĐND tỉnh giao 13.498 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng năm 2019 ước thực hiện 7.180 tỷ đồng, đạt 53,2% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

a) **Thu nội địa:** 6.330 tỷ đồng, đạt 53,7% dự toán và tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý: 312 tỷ đồng, đạt 46,2% dự toán, bằng 99,9% so với cùng kỳ.
- Thu từ doanh nghiệp địa phương quản lý: 62,6 tỷ đồng, đạt 50,1% dự toán, bằng 100,2% so với cùng kỳ.
- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 110 tỷ đồng, đạt 42,4% dự toán, bằng 87,4% so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực CNT-DV ngoài quốc doanh: 2.234 tỷ đồng, đạt 49,8% dự toán, tăng 16,1% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân: 321,6 tỷ đồng, đạt 63,7% dự toán, tăng 6,5% so với cùng kỳ.

- Thuế bảo vệ môi trường: 770,9 tỷ đồng, đạt 47,9% dự toán, tăng 59,1% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 153,7 tỷ đồng, đạt 96,1% dự toán, tăng 57,7% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu có tính chất phí, lệ phí: Lệ phí trước bạ 439,6 tỷ đồng, đạt 59,4% dự toán, tăng 28,6% so với cùng kỳ; Phí, lệ phí 141,8 tỷ đồng, đạt 55,6% dự toán, tăng 11% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu từ đất: Thu tiền sử dụng đất 1.468,8 tỷ đồng, đạt 62,6% dự toán, tăng 24,4% so với cùng kỳ; Thu tiền thuê đất 136 tỷ đồng, đạt 56,9% dự toán, tăng 20,6% so với cùng kỳ.

- Thu xổ số kiến thiết: 11,6 tỷ đồng, đạt 41,5% dự toán, bằng 83% so với cùng kỳ.

b) **Thu từ hoạt động XNK:** 850 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và bằng 103,4% so với cùng kỳ năm 2018.

c) **Thu ngân sách cấp huyện:** Tổng thu ngân sách cấp huyện 6 tháng (tính đến ngày 15/6) đạt 55,4% so với dự toán HĐND tỉnh giao (nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì đạt 55,2% dự toán; tất cả các huyện, thành phố, thị xã đều đạt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao). Một số đơn vị có số thu ngân sách đạt và vượt tiến độ dự toán như: Anh Sơn đạt 102% dự toán; Nghĩa Đàn đạt 97,3% dự toán; Thị xã Cửa Lò đạt 90,1% dự toán; Nghi Lộc đạt 89,3% dự toán; Quế Phong đạt 74% dự toán; Thanh Chương đạt 69,4% dự toán. Một số huyện thu ngân sách chưa đạt tiến độ dự toán, như: Hưng Nguyên đạt 40,2% dự toán, Đô Lương đạt 41% dự toán.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Đánh giá công tác thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2019:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tuy vượt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao và tăng so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản thu không đạt tiến độ như Thu từ DN trung ương quản lý, Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thuế bảo vệ môi trường và xổ số kiến thiết.

(1) Đối với thu nội địa:

* Nguyên nhân một số khoản thu đạt tiến độ dự toán:

- Thu từ công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh: Một số doanh nghiệp có số thu tăng đột biến so với cùng kỳ, cụ thể: Bia Sài Gòn- Sông Lam tăng gần 90 tỷ đồng (do tăng sản lượng và giá tính thuế TTĐB), Công ty sữa TH tăng 40 tỷ đồng (do tăng sản lượng), nhà máy sữa Vinamilk tăng 40 tỷ đồng (do cùng kỳ năm 2018 Công ty thực bù trừ thuế GTGT đầu ra với đầu vào của dây chuyền sản xuất mới), Ngân hàng Bắc Á tăng 60 tỷ đồng so với cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ: tăng chủ yếu do nhu cầu mua xe ô tô trên địa bàn 6 tháng đầu năm tăng mạnh.

- Thuế thu nhập cá nhân: Do tăng đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân tiền lương tiền công (một số công ty có số nộp cao như Ngân hàng Bắc Á, nhóm các Công ty TH), thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: tăng do phát sinh số thu từ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Thu phí, lệ phí: do tăng khoản lệ phí môn bài, tăng phí sử dụng đường biển của Cảng vụ hàng hải theo kiến nghị của kiểm toán năm 2018.

- Tiền sử dụng đất: Ngoài việc làm tốt công tác đấu giá đất của các địa phương; tiền sử dụng đất dự án bất động sản nộp ngân sách đạt gần 500 tỷ đồng.

*** Nguyên nhân một số khoản thu có tiền độ thu thấp so với dự toán:**

- Thuế bảo vệ môi trường: do tăng sản lượng xăng dầu tiêu thụ và do chính sách thay đổi nhưng mới chỉ đạt 48% dự toán được giao. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty CP Thiên Minh Đức phát sinh chưa nộp NSNN 302 tỷ đồng.

- Thu từ DNNS Trung ương quản lý: do một số doanh nghiệp trọng điểm thực hiện đạt thấp so với dự toán (Thủy điện Bản vẽ, Xi măng Vicem Hoàng Mai, Viettel Nghệ An, Kim loại màu Nghệ Tĩnh)

- Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN: chủ yếu do số thuế TNDN của các doanh nghiệp ĐTNN phát sinh thấp hơn cùng kỳ: Công ty TNHH Em tech Việt Nam (thấp hơn cùng kỳ 16 tỷ đồng), Công ty TNHH mía đường Nghệ An (thấp hơn cùng kỳ 11 tỷ đồng).

- Thu từ xổ số kiến thiết: chủ yếu do số thu từ Công ty TNHH MTV xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott) giảm mạnh so với cùng kỳ (giảm 2 tỷ).

(2) Đối với thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:

Nguyên nhân tăng thu là do các mặt hàng xuất nhập khẩu chính như Đá vôi trắng các loại, clinker, dầu diesel, hóa chất, nhôm cuộn, linh kiện điện tử... vẫn duy trì ổn định và có chiều hướng gia tăng. Đặc biệt, trong năm 2019, Tổng kho xăng dầu DKC của Công ty CP Thiên Minh Đức đã hoàn thiện, đi vào hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm, Công ty đã nhập khẩu mặt hàng dầu diezel, hóa chất về Nghệ An đóng góp thu NSNN hơn 150 tỷ đồng và dự kiến từ nay đến cuối năm tiếp tục tăng lượng nhập khẩu. Nguồn thu từ mặt hàng mặt hàng dầu diezel, hóa chất do Công ty CP Tập đoàn Thiên Minh Đức nhập khẩu đã bù đắp sự thiếu hụt do không có nguồn thu từ mặt hàng xăng dầu khi Nhà máy xăng dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động đã có sản phẩm nên Tập đoàn xăng dầu Việt Nam không nhập khẩu nữa.

Tuy nhiên, từ nay đến cuối năm 2019 tình hình thu NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu vẫn còn nhiều khó khăn khi 2 mặt hàng thường đóng góp tỷ trọng lớn (trên 50%) trong tổng thu NSNN có xu hướng giảm. Cụ thể:

- Mặt hàng máy móc thiết bị các loại nhập khẩu để tạo tài sản cho các dự án đầu tư giảm mạnh do các dự án đầu tư lớn của Tập đoàn Tôn Hoa Sen, Công ty CP

xi măng Tân Thắng, Dự án Công ty TNHH nước tinh khiết Núi Tiên đã đi vào giai đoạn cuối trong khi đó các dự án mới được cấp phép nhưng chưa có kế hoạch triển khai hoặc đang ở giai đoạn giải phóng mặt bằng.

- Mặt hàng thép các loại nhập khẩu của Công ty CP Tập đoàn Tôn Hoa Sen và Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An giảm mạnh lượng nhập khẩu, 6 tháng đầu năm nộp NSNN 250 tỷ đồng giảm 20% so với cùng kỳ năm 2018 (300 tỷ đồng). Cục Hải quan tỉnh Nghệ An đã tổ chức Đoàn làm việc với Công ty Cổ phần Tập đoàn Tôn Hoa Sen tại Thành phố Hồ Chí Minh để nắm bắt tình hình hoạt động và tiếp thu các kiến nghị để hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp nhằm tăng nguồn thu năm 2019. Hiện tại, doanh nghiệp vẫn hoạt động bình thường, doanh thu 2.000 tỷ/tháng. Mặc dù đơn hàng vẫn rất nhiều, hệ số nợ <3 chưa phải là lớn nhưng ngân hàng hạn chế cấp tín dụng dẫn đến doanh nghiệp thiếu vốn nhập nguyên liệu sản xuất, giảm lượng nhập khẩu.

2. Chi ngân sách.

2.1. Chi ngân sách địa phương.

Dự toán HĐND tỉnh giao: 24.341,1 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương 6 tháng năm 2019 ước thực hiện 12.216,7 tỷ đồng, đạt 50,2% dự toán HĐND tỉnh giao.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

a) **Chi đầu tư phát triển:** 3.210 tỷ đồng, đạt 61,8% dự toán. Ngay những tháng đầu năm 2019 chủ yếu tập trung giải ngân vốn XDCB năm 2018 chuyển qua. Trên cơ sở các Quyết định phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2019, ngành tài chính đã tập trung nhập vào hệ thống Tabmis để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có thể thanh toán vốn ngay từ đầu năm. Đối với các công trình khởi công mới, đôn đốc các chủ đầu tư hoàn thiện các hồ sơ có liên quan, các cơ sở pháp lý liên quan đến giải ngân vốn theo quy định.

Tỷ lệ giải ngân XDCB 6 tháng đầu năm đối với một số nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn hỗ trợ theo Luật NSNN, tiền sử dụng đất phần ngân sách tinh bô trí, xô số kiến thiết: 819.000 triệu đồng, đạt 55,8% kế hoạch.

- Nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (bao gồm cả vốn nước ngoài): 281.000 triệu đồng, đạt 40,8% kế hoạch. Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu do các dự án vốn nước ngoài chưa thực hiện ghi thu ghi chi khối lượng thực hiện.

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm Vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững, vốn CTMTQG nông thôn mới): 420.000 triệu đồng, đạt 47,6% kế hoạch.

b) **Chi thường xuyên:** 8.883,6 tỷ đồng, đạt 47,4% dự toán.

Chi thường xuyên 6 tháng năm 2019 chủ yếu tập trung chi lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí hoạt động có tính chất thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, các sự nghiệp; đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các cơ chế chính sách do trung ương và địa phương ban hành như: mua thẻ BHYT; bảo trợ xã hội; các chính sách về giáo dục như học bỗng, hỗ trợ miễn giảm

học phí và chi phí học tập, hỗ trợ trẻ ăn trưa 3-5 tuổi, chính sách ưu tiên đối với học sinh dân tộc ít người, người khuyết tật; tiền điện hộ nghèo;

c) **Chi dự phòng ngân sách địa phương:** ước thực hiện 122 tỷ đồng, đạt 30% dự toán. Chủ yếu chi cho các nội dung, như: hỗ trợ phòng chống dịch tả lợn Châu Phi, hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, giống thủy sản để khôi phục sản xuất do thiên tai; hỗ trợ lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển và sửa chữa các công trình ách yếu; Kinh phí di dời dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lũ,... Chi dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo tiết kiệm, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.2. Chi trả nợ gốc.

Thực hiện 371,875 tỷ đồng, trong đó: Kinh phí trả nợ vốn tạm ứng KBNN: 150 tỷ đồng; Kinh phí trả vay nợ kiên cố hóa kênh mương: 181,875 tỷ đồng; Kinh phí trả nợ tiền mua và vận chuyển xi măng xây dựng nông thôn mới: 40 tỷ đồng.

3. Thực hiện kịp thời các nhiệm vụ chi đảm bảo an sinh xã hội, các nhiệm vụ chi cấp bách 6 tháng đầu năm 2019

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã bố trí kịp thời kinh phí thăm hỏi, chúc Tết các đối tượng chính sách, người có công, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ ở các vùng biên giới. Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi tiêu biểu; Hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo nhân dịp Tết nguyên đán. Bố trí kinh phí tổ chức các hoạt động: Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2019; Kinh phí tổ chức lễ hội Làng Sen; Kinh phí tổ chức kỷ niệm 60 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh - ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn; Kinh phí tổ chức 50 năm thực hiện Di chúc Bác Hồ; Kinh phí tổ chức Hội nghị gặp mặt Nhật Bản - Khu vực Bắc Trung Bộ năm 2019.

Bố trí kinh phí GPMB các dự án trọng điểm như VSIP, Hemaraj, Cầu Cửa Hội bắc qua Sông Lam: 63,7 tỷ đồng; Phân bổ kinh phí khắc phục thiệt hại do bão số 4 và các đợt mưa lũ trong năm 2018: 75 tỷ đồng; Bố trí kinh phí chống dịch trên gia súc, gia cầm và thủy sản: 4,4 tỷ đồng; Phân bổ đợt 1 kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2019, số tiền: 128 tỷ đồng. Kinh phí hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, số tiền: 7,7 tỷ đồng. Phân bổ kinh phí mua thẻ BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, gia đình thuộc hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên năm 2019: 150 tỷ đồng. Kinh phí giải tỏa hành lang an toàn giao thông theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh, số tiền 13,6 tỷ đồng. Chi trả mai táng phí cho các đối tượng 20,5 tỷ đồng. Kinh phí thực hiện chính sách tịnh giản biên chế 48,26 tỷ đồng. Quyết định giao chỉ tiêu và phân bổ kinh phí đào tạo cán bộ công chức năm 2019.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 06/CT-BTC ngày 24/12/2018 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019. Chi đạo các ngành duy trì các đoàn kiểm tra tăng cường việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý giá, thuế, phí, lệ phí, đặc biệt đối với những hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu, hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

Chi đạo thanh lý và bán tài sản công theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Tài chính về việc không mua xe ô tô và điều chuyển xe ô tô cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Đối với việc rà soát, sắp xếp xe ô tô trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ: đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã rà soát, báo cáo số xe ô tô hiện có và xác định số xe ô tô theo tiêu chuẩn định mức được giữ lại để tiếp tục sử dụng và số xe thừa so với tiêu chuẩn, định mức để xử lý, xác định số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng cần trang bị.

Triển khai công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp, công ty cổ phần theo quy định tại: Công ty cấp nước Cửa lò, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Thái Hòa, Công ty giống nuôi trồng thủy sản Nghệ An; Thực hiện công tác cổ phần hóa tại: Công ty Đầu tư và phát triển cà phê, cao su; Công ty Đầu tư phát triển chè; Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Nghệ An, Ban quản lý nhà máy nước Yên Thành, Nhà khách thị xã Cửa lò. Triển khai chuyển đổi các doanh nghiệp thành Công ty TNHH 2 thành viên gồm: Công ty Nông nghiệp An Ngãi, Công ty Nông nghiệp Xuân Thành, Công ty cây ăn quả 1/5.

Phê duyệt quyết toán công trình, dự án, hạng mục hoàn thành (tính đến hết ngày 31/5/2019): Số lượng 154 công trình với tổng mức đầu tư 1.256.395 triệu đồng, chênh lệch giảm sau thẩm tra 31.025 triệu đồng đạt 2,47%.

Chỉ đạo Sở Tài chính thẩm định, giao dự toán, giao tự chủ tài chính tới tất cả các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh theo các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định khác. Ban hành các quy định, văn bản quy định về quản lý điều hành ngân sách, hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn Nghệ An; Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty cổ phần cấp nước Thái Hòa, Công ty cổ phần cấp nước Diễn Châu, Công ty cổ phần cấp nước Quỳnh Lưu, Ban Quản lý nhà máy nước thị trấn Yên Thành sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn của các công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù, tài sản cố định khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An; Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019. Thực hiện công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2017 và dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019 theo đúng quy định. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn dự thảo các nội dung: Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức,

đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An; Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch điều chỉnh bổ sung Kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2019-2021 của tỉnh Nghệ An; Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết HĐND tỉnh quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã; thời gian gửi báo cáo tài chính ngân sách của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Hướng dẫn công tác khống toán niên độ năm 2018, công tác chuyển nguồn NSNN năm 2018 sang năm 2019; Cung cấp tài liệu phục vụ công tác khảo sát kiểm toán ngân sách địa phương, kiểm tra Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước khu vực II.

Triển khai thực hiện Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh phê duyệt kịch bản tăng trưởng kinh tế và phát triển lĩnh vực xã hội môi trường năm 2019 của tỉnh Nghệ An; Ban hành Kế hoạch số 141/KH-TCT ngày 13/3/2019 về triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của Tổ 5 (lĩnh vực thu ngân sách nhà nước) và đã làm việc với UBND các huyện, thành phố, thị xã.

4. Đánh giá công tác quản lý điều hành ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019:

a) Những kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo điều hành.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan về quản lý thu chi ngân sách. Thông báo giao dự toán và thẩm định phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2019 cho các ngành, các cấp, các đoàn thể.

- Ban hành các văn bản quản lý điều hành lĩnh vực tài chính - ngân sách, thực hiện đăng ký mua sắm tài sản theo hình thức tập trung, quản lý giá, tài chính doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 kịp thời.

- Dự kiến thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm vượt dự toán HĐND tỉnh giao và vượt kịch bản tăng trưởng 6 tháng được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 phê duyệt kịch bản tăng trưởng kinh tế và phát triển lĩnh vực xã hội, môi trường năm 2019 của tỉnh Nghệ An. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán như Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 96,1% dự toán, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 70,2% dự toán, Thuế thu nhập cá nhân đạt 63,7% dự toán, Thu tiền sử dụng đất đạt 62,2% dự toán, Lệ phí trước bạ đạt 59,4% dự toán, Thu tiền cho thuê đất và mặt nước đạt 56,9% dự toán.

- Đảm bảo kịp thời chế độ tiền lương và các chính sách an sinh xã hội; Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, kinh phí GPMB các dự án trọng điểm như dự án VSIP, dự án Hemaraj, Cầu Cửa Hội bắc qua Sông Lam,...; Kinh phí trả nợ vốn tạm ứng KBNN, Kinh phí trả vay nợ kiên cố hóa kênh mương, kinh phí trả nợ tiền vay xi măng xây dựng nông thôn mới; Kinh phí sửa chữa các công trình ách yết.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành các doanh nghiệp cổ phần, thoái hóa vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, công ty cổ phần.

- Ban hành Kế hoạch số 141/KH-TCT ngày 13/3/2019 về triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của Tỉnh (lĩnh vực thu ngân sách nhà nước) theo Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh và tiến hành làm việc với UBND các huyện, thành phố, thị xã để đôn đốc công tác thu ngân sách năm 2019.

- Thực hiện nghiêm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; triệt để tiết kiệm, nhất là trong hội họp, tiếp khách, đi công tác nước ngoài. Công khai minh bạch trong quản lý ngân sách, tài sản nhà nước, mua sắm tài sản công...

- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm quản lý văn bản VNPT Ioffice liên thông giữa các đơn vị và áp dụng chữ ký số vào phục vụ quản lý điều hành.

b) Một số hạn chế, khó khăn.

- Một số khoản thu còn đạt tỷ lệ thấp như thu hoa lợi công sản và quỹ đất công ích đạt 34,6% dự toán, thu xổ số kiến thiết đạt 41,5% dự toán, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 42,4% dự toán.

- Một số nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) hiện đang trình HĐND tỉnh phân bổ như Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nên ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của tỉnh.

- Mặc dù triển khai quyết liệt các giải pháp về thu hồi nợ thuế, nhưng nợ thuế tính đến ngày 31/5/2019 là: 1.567 tỷ đồng, tăng 490 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, tăng 442 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018.

- Một số huyện chưa tiến hành giao dự toán tự chủ cho các đơn vị quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

- Việc cân đối nguồn vốn thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh, như: Cầu Cửa Hội bắc qua Sông Lam, Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò giai đoạn 1,... hết sức khó khăn.

II. VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

Đối chiếu với dự toán thu ngân sách năm 2019 đã được HĐND tỉnh giao cả năm, thì nhiệm vụ thu ngân sách 6 tháng cuối năm còn lại là: 6.317 tỷ đồng (tương đương 46,8% dự toán), bao gồm: thu nội địa không kê tiền đất 4.548 tỷ đồng (48,3%), tiền đất 891 tỷ đồng (37,8%), thuế XNK 850 tỷ đồng (50%).

Để phấn đấu hoàn thành dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp, các đơn vị tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019, các văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước và thu bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2019. Cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước

(1) Ngành thuế và Hải quan:

- Chủ động đề ra các giải pháp, chỉ đạo quyết liệt, liên tục, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 được giao trên địa bàn. Có kế hoạch làm việc với các doanh nghiệp có số thu lớn để tìm hiểu nguyên nhân và tham mưu lãnh đạo các cấp, các ngành tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, hoàn thành chỉ tiêu nộp thuế vào NSNN.

- Ngành Thuế triển khai sát nhập, thành lập Chi cục Thuế khu vực theo Quyết định của Bộ Tài chính; chỉ đạo, hướng dẫn các Chi cục Thuế khu vực tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý thu thuế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về chính sách thuế nhằm giúp các tổ chức, các nhân tiếp cận chính sách kịp thời, có hiệu quả. Chủ động giải đáp các khó khăn, vướng mắc và tăng cường đối thoại với các doanh nghiệp. Hướng dẫn và hỗ trợ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng các giao dịch điện tử trong kê khai, nộp thuế, đẩy mạnh việc sử dụng dịch vụ thuế điện tử e-tax, sử dụng hóa đơn điện tử.

- Chỉ đạo quyết liệt công tác thu, khai thác các nguồn thu, tăng cường quản lý chống thất thu; rà soát, đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, làm rõ những khoản hụt thu, các nguồn thu còn tiềm năng; đề ra các giải pháp cụ thể để kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp thực hiện. Đồng thời, phối hợp với các ngành dự báo các sản phẩm tăng thêm để xác định thêm nguồn thu cho ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách; kiểm soát để thu đúng; thu đủ; thu

kịp thời các khoản thuế; phí, lệ phí và các khoản phải thu theo kết quả Kiểm toán, Thanh tra... vào NSNN.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan; nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan; chú trọng thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề; tập trung các doanh nghiệp, lĩnh vực có rủi ro cao như: hoạt động khoáng sản, kinh doanh bất động sản, ăn uống, thương mại điện tử, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh vận tải tư nhân,...

- Cơ quan Thuế phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện đôn đốc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất các dự án đã được giao đất, xác định giá đất nhằm thu đầy đủ, kịp thời số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời tăng cường đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án để đẩy nhanh thực hiện các dự án có tính khả thi, đồng thời đề nghị thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai, không thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

- Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giao chỉ tiêu thu nợ cụ thể cho từng Chi cục thuế, Chi cục Hải quan, trong đó chú ý đến thu nợ thuế của các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực có tính nhạy cảm, có dấu hiệu thất thu ngân sách, như: kinh doanh vận tải tư nhân, khai thác khoáng sản, nhà hàng khách sạn...; định kỳ công khai trên truyền thông các doanh nghiệp nợ thuế; phấn đấu đến ngày 31/12/2019 giảm xuống dưới 5% so với số thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2019; Tổng rà soát các khoản nợ không còn đối tượng để thu để phân loại các trường hợp nợ thuế, để xuất biện pháp xử lý phù hợp. Phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng kiên quyết thực hiện cưỡng chế nợ thuế, công khai thông tin nợ thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế.

- Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu; phòng, chống gian lận thương mại; gian lận giá nhập khẩu hàng hoá qua biên giới. Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin với Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường để kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc trốn thuế, gian lận thuế, buôn lậu, gian lận thương mại. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, công tác bán, cấp hoá đơn lẻ để ngăn chặn tình trạng hợp thức hoá chứng từ gây thất thu NSNN.

(2) Sở Tài chính

- Tiếp tục phối hợp các cơ quan thu để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo công tác thu ngân sách năm 2019 theo Kế hoạch số 141/KH-TCT ngày 13/3/2019 về triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của Tỉnh (lĩnh vực thu ngân sách nhà nước).

- Chủ động phối hợp các Sở, ngành và đơn vị liên quan rà soát quỹ đất, đẩy mạnh công tác đấu giá để tạo nguồn vốn thực hiện các dự án trọng điểm cấp bách của tỉnh như Cầu Cửa Hội qua sông Lam, Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò,...

2. Về quản lý chi ngân sách nhà nước.

- Các ngành, các cấp phải tập trung chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai hoàn chỉnh các thủ tục hồ sơ để tổ chức thi công các công trình XDCB, lập hồ sơ thanh

toán đối với các công trình thuộc chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, không để dồn khôi lượng hoàn thành mới làm hồ sơ thanh toán vào những tháng cuối năm.

- Phối hợp với KBNM các cấp, các chủ đầu tư trong việc giải ngân vốn đầu tư công năm 2019, xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi, thanh toán cho các công trình, dự án khi có đủ điều kiện giải ngân để đẩy nhanh việc thanh toán kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo Công văn số 1703/UBND-KT ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh; giải ngân nguồn vốn sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tiếp tục tăng cường công tác cải cách hành chính, kỷ luật tài chính ngân sách, điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm trong phạm vi dự toán được giao; Thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chỉ tiêu ngân sách, kể cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi theo đúng quy định. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi cho hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, như các khoản: chi đi công tác nước ngoài, trong nước, chi phí văn phòng phẩm, chi phí sử dụng điện, chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, động thổ, khởi công, khánh thành công trình dự án,...

- Khẩn trương hoàn thành quyết toán ngân sách năm 2018; quyết toán ngân sách thể hiện đầy đủ các khoản thu, khoản chi; Trong công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán kiên quyết cắt bỏ những khoản thu - chi không đúng chế quy định.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến giá cả để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý; tăng cường các đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý giá; giám sát chặt chẽ kê khai giá của doanh nghiệp đối với mặt hàng bình ổn giá; triển khai các chương trình bình ổn giá theo tình hình thực tế. Thực hiện mua sắm tài sản tập trung đợt 2 năm 2019.

- Phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Thực hiện rà soát số lượng xe ô tô hiện có và xác định số xe ô tô theo tiêu chuẩn định mức được giữ lại để tiếp tục sử dụng và số xe thừa so với tiêu chuẩn, định mức để xử lý, xác định số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng cần trang bị. Đồng thời xây dựng danh mục, chủng loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng để xin ý kiến Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Các ngành, các cấp, các đơn vị thẩm định phê duyệt kịp thời chế độ tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở (từ 01/7/2019 tăng 1.390.000 đồng/tháng lên 1.490.000 đồng/tháng).

- Các ngành, các cấp thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách mới ban hành để tổng hợp trình Bộ Tài chính bổ sung kinh phí thực hiện trong năm 2019.

- Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2020-2022 đảm bảo theo quy định của Luật NSNN.

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2019 đòi hỏi cần tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của HĐND các cấp và sự chỉ phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành chức năng. Tập trung mọi nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phấn đấu nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, nuôi, tăng nhanh sản phẩm chế biến và sản phẩm công nghiệp trọng điểm của tỉnh,... nhằm hoàn thành các mục tiêu của năm 2019./. *Huy*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP.KT;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KT (Nam). *vnk*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2019

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO	UTH 6 THÁNG	SO SÁNH	
				UTH/DT HĐND TỈNH GIAO	UTH VỚI CÙNG KỲ 2018
1	2	3	4	5=4/3	6
	<u>Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II)</u>	<u>13.498.000</u>	<u>7.180.470</u>	<u>53,2%</u>	<u>117,6%</u>
<u>I</u>	<u>Thu nội địa (thu từ SXKD trong nước)</u>	<u>11.798.000</u>	<u>6.330.470</u>	<u>53,7%</u>	<u>119,8%</u>
	<i>Thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất</i>	9.410.000	4.861.620	51,7%	118,5%
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý	675.000	312.140	46,2%	99,9%
2	Thu từ doanh nghiệp Địa phương quản lý	125.000	62.680	50,1%	100,2%
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	260.000	110.160	42,4%	87,4%
4	Thu từ khu vực CTN-DV ngoài quốc doanh	4.490.000	2.234.000	49,8%	116,1%
5	Lệ phí trước bạ	740.000	439.650	59,4%	128,6%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	28.080	70,2%	111,2%
7	Thuế thu nhập cá nhân	505.000	321.650	63,7%	106,5%
8	Thuế bảo vệ môi trường	1.610.000	770.950	47,9%	159,1%
9	Thu phí và lệ phí	255.000	141.850	55,6%	111,0%
10	Thu tiền sử dụng đất	2.360.000	1.468.850	62,2%	124,4%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	240.000	136.480	56,9%	120,6%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	160.000	153.700	96,1%	157,7%
13	Thu khác ngân sách (*)	270.000	124.820	46,2%	81,2%
14	Thu hoa lợi công sản và quỹ đất công ích (**)	40.000	13.850	34,6%	79,8%
15	Thu Xổ số kiến thiết	28.000	11.610	41,5%	83,0%
<u>II</u>	<u>Thu từ hoạt động XNK</u>	<u>1.700.000</u>	<u>850.000</u>	<u>50,0%</u>	<u>103,4%</u>

Ghi chú: (*) Thu khác ngân sách không bao gồm thu hồi các khoản chi năm trước, số tiền 11.836 triệu đồng;

(**) Thu hoa lợi công sản và quỹ đất công ích không bao gồm tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất công, số tiền: 10.162 triệu đồng; *Huy*

UBND TỈNH NGHỆ AN**CÁC DOANH NGHIỆP CÓ SỐ NỘP NGÂN SÁCH LỚN TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên NNT	Dự toán 2019	TH 5 THÁNG 2019	%TH/DT
1	CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN-SÔNG LAM	922.000	418.643	45%
2	CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN	836.000	369.197	44%
3	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN MINH ĐỨC	746.000	263.330	35%
4	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á	135.500	104.713	77%
5	CÔNG TY CP THỰC PHẨM SỮA TH	245.600	92.987	38%
6	CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - NGHỆ TĨNH	256.900	81.708	32%
7	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI-NGHỆ AN	383.000	70.822	18%
8	CÔNG TY THỦY ĐIỆN BẢN VỀ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1	200.200	55.612	28%
9	CÔNG TY TNHH MTV MASAN MB	140.000	53.687	38%
10	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN	140.000	53.049	38%
11	CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN HÙA NA	140.700	50.100	36%
12	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC) TẠI NGHỆ AN	104.100	41.199	40%
13	VIETTEL NGHỆ AN - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI	92.000	38.701	42%
14	CÔNG TY CỔ PHẦN ZAHUNG	25.000	33.455	134%
15	CÔNG TY ĐIỆN LỰC NGHỆ AN	62.000	30.383	49%
16	Công Ty CP Trung Đô	20.300	22.121	109%
17	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV HOA SEN NGHỆ AN	150.000	19.312	13%
18	NHÀ MÁY THUỐC LÁ KHA TOCO NGHỆ AN, CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN	55.400	19.008	34%
19	CÔNG TY TNHH NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG MIỀN TRUNG	34.300	18.602	54%
20	CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG NGHỆ AN	45.500	15.141	33%
21	CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN BOT QUỐC LỘ 1A CIENCO4 - TCT319	22.000	13.282	60%
22	CÔNG TY TNHH HAIVINA KIM LIÊN	29.200	13.051	45%
23	CHI NHÁNH B.O.T TUYẾN TRÁNH THÀNH PHỐ VINH	27.000	11.059	41%
24	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM - NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN KHE BỒ	102.200	10.503	10%
25	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM	52.700	9.945	19%

[Signature]

TT	Tên NNT	Dự toán 2019	TH 5 THÁNG 2019	%TH/DT
26	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	17.300	9.512	55%
27	Công ty TNHH Royal Foods Nghệ An, Việt Nam	9.800	9.328	95%
28	Công Ty CP Thuỷ Điện Quế Phong	17.600	8.978	51%
29	Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Phát Triển Năng Lượng Nghệ An	25.900	8.685	34%
30	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÔNG CON	28.400	8.326	29%
31	CÔNG TY CP GOLF BIÊN CỦA LÒ	24.000	7.759	32%
32	CÔNG TY TNHH EB VINH	15.000	7.386	49%
33	Viễn Thông Nghệ An - Chi Nhánh Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam Tại Nghệ An	100	7.041	7041%
34	CÔNG TY XI MĂNG NGHI SƠN	18.500	6.965	38%
35	CÔNG TY CP NÔNG THỦY SẢN NGHỆ AN	12.500	6.759	54%
36	Công ty TNHH MATRIX Vinh	14.800	6.401	43%
37	CÔNG TY CP BAO BÌ SABECO- SÔNG LAM	31.300	6.166	20%
38	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ XANH QUỐC TẾ	7.100	5.947	84%
39	CÔNG TY CỔ PHẦN CHUỖI CUNG ỨNG QUỐC TẾ	1.500	5.903	394%
40	Bưu Điện Tỉnh Nghệ An	10.300	5.831	57%
41	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CHI KHÊ	3.500	5.790	165%
42	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HANDICO - VINH TÂN	7.900	5.769	73%
43	Công Ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	10.953	5.455	50%
44	CÔNG TY TNHH HOÀ HIỆP	1.100	5.315	483%
45	CÔNG TY CỔ PHẦN Á CHÂU HOA SƠN	6.000	5.152	86%
46	CÔNG TY CP KHÁCH SẠN GIAO TẾ NGHỆ AN	900	5.088	565%
47	CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN TRUNG	8.600	5.082	59%

82

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2019 - KHỐI HUYỆN, XÃ
 (Tính đến ngày 15/6/2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các huyện	Dự toán 2019			Thực hiện 6 tháng			% so sánh TH/DT		
		Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tiền đát
		Tiền đát	Không kê tiền SD đát		Tiền đát	Không kê tiền SD đát		Tỷ lệ		% so sánh TH/DT
A	B	1	1.1	1.2	2	2.1	2.2	3=2/1	3.1	3.2
1	TP Vinh	2.090.923	1.050.000	1.040.923	907.005	387.870	519.135	43,4%	36,9%	49,9%
2	Hưng Nguyên	145.339	80.000	65.339	58.380	22.974	35.406	40,2%	28,7%	54,2%
3	Nam Đàn	160.581	90.000	70.581	105.069	59.694	45.375	65,4%	66,3%	64,3%
4	Nghi Lộc	207.984	95.000	112.984	185.682	113.613	72.069	89,3%	119,6%	63,8%
5	Diễn Châu	281.450	135.000	146.450	165.503	78.270	87.233	58,8%	58,0%	59,6%
6	Quỳnh Lưu	263.050	145.000	118.050	173.231	106.690	66.541	65,9%	73,6%	56,4%
7	Yên Thành	296.450	200.000	96.450	132.035	78.292	53.743	44,5%	39,1%	55,7%
8	Dô Luong	214.250	115.000	99.250	87.843	35.061	52.782	41,0%	30,5%	53,2%
9	Thanh Chương	128.420	65.000	63.420	89.067	48.497	40.570	69,4%	74,6%	64,0%
10	Anh Sơn	43.790	12.000	31.790	44.654	22.981	21.673	102,0%	191,5%	68,2%
11	Tân Kỳ	55.830	15.000	40.830	38.266	12.039	26.227	68,5%	80,3%	64,2%
12	Nghĩa Đàn	111.590	45.000	66.590	108.545	68.804	39.741	97,3%	152,9%	59,7%
13	Quỳ Hợp	142.830	3.000	139.830	92.979	4.504	88.475	65,1%	150,1%	63,3%
14	Quỳ Châu	16.830	1.000	15.830	10.178	1.256	8.922	60,5%	125,6%	56,4%
15	Quế Phong	20.327	2.000	18.327	15.050	4.269	10.781	74,0%	213,5%	58,8%
16	Con Cuông	19.778	3.000	16.778	12.830	1.976	10.854	64,9%	65,9%	64,7%
17	Tương Dương	18.350	3.000	15.350	12.225	2.198	10.027	66,6%	73,3%	65,3%
18	Kỳ Sơn	14.110	1.000	13.110	8.171	181	7.990	57,9%	18,1%	60,9%
19	Thị xã Cửa Lò	359.730	90.000	269.730	324.296	168.487	155.809	90,1%	187,2%	57,8%
20	Thị xã Thái Hòa	135.800	70.000	65.800	69.202	32.387	36.815	51,0%	46,3%	55,9%
21	Thị xã Hoàng Mai	220.080	140.000	80.080	99.849	62.905	36.944	45,4%	44,9%	46,1%
	Tổng	4.947.492	2.360.000	2.587.492	2.740.060	1.312.948	1.427.112	55,4%	55,6%	55,2%

#/n

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DT HĐND TỈNH GIAO	UTH 6 THÁNG	TỶ LỆ % TH/DT
1	2	3	4	5=4/3
A	Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV)	24.344.151	12.216.706	50,2%
I	Chi đầu tư phát triển	5.193.307	3.210.800	61,8%
II	Chi thường xuyên	18.740.072	8.883.600	47,4%
1	Chi sự nghiệp môi trường	166.765	79.000	47,4%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1.873.660	905.000	48,3%
3	Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	8.046.111	3.985.000	49,5%
4	Chi sự nghiệp Y tế	2.109.457	950.000	45,0%
5	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	47.204	23.000	48,7%
6	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin-thể dục thể thao	303.655	145.000	47,8%
7	Chi các ngày lễ lớn	10.000	6.000	60,0%
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	45.351	23.000	50,7%
9	Chi bảo đảm xã hội	1.158.632	590.000	50,9%
10	Chi quản lý hành chính	3.408.653	1.680.000	49,3%
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	364.966	185.000	50,7%
12	Chi thi đua khen thưởng	40.000	15.000	37,5%
13	Chi khác ngân sách	196.702	40.000	20,3%
14	Kinh phí trang bị phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin	30.000	15.000	50,0%
15	Vốn nước ngoài, Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ khác	372.120	135.000	36,3%
16	Chi hỗ trợ các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; đảm bảo an toàn giao thông	65.732	37.600	57,2%
17	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành	25.000	25.000	100,0%
18	Các CTMT Quốc gia (vốn SN)	476.065	45.000	9,5%
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.890		0,0%
IV	Chi Dự phòng NSDP	407.882	122.306	30,0%
B	Bội thu NSDP	424.600	221.875	52,3%
C	Chi trả nợ gốc	716.900	371.875	51,9%

Hà

UBND TỈNH NGHỆ AN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ NĂM 2019

Phu lục số 5

TT	NỘI DUNG	Đến nợ đến 31/12/2018	KH phải trả nợ năm 2019 hoạch vay 2019	Đề kiến kế hoạch vay 2019	Đã vay 2019	Đã trả nợ 6 tháng năm 2019		Đến nợ đến 30/06/2019
						Tổng	Gốc	
1	2	3	4	5	6	7=7.1+7.2	7.1	7.2
I	Tạm ứng ngân quỹ Kho bạc nhà nước	350.000	350.000	200.000	0	153.700	150.000	3.700
	Tạm ứng cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của NS địa phương	350.000	350.000	200.000		153.700	150.000	3.700
II	Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam	572.500	356.875	0	0	181.875	181.875	0
	Vay kiêm cổ hóa kênh muong, GTNT	572.500	356.875			181.875	181.875	
III	Vay lại vốn vay nước ngoài	311.687	26.638	92.300	0	0	0	0
1	Vay NHTG cho DA năng lượng NT II (REII)	296.840	26.638	0		0	0	296.840
2	Vay lại các dự án ODA	14.847	0	92.300	0	0	0	14.847
-	Dự án WB 8	2.077	0	15.900				2.077
-	Dự án Lram	12.770	0	39.400				12.770
-	Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp (FMCR)			2.800				
-	Tăng cường quản lý đất đai (VILG)			14.200				
-	Hạ tầng cơ bản cho sự phát triển toàn diện các tỉnh			20.000				
-	Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị (BUTG)							
IV	Vay trong nước và đối tượng khác	114.384	98.647	110.000	7.245	40.055	40.000	55
-	Vay mua xi măng	94.521	98.647	110.000	7.245	40.000	40.000	61.766
-	Vay nhà đầu tư, khác	19.863				0		19.863
-	Khác					55		0
	Đến nợ phải trả từ nguồn NSDP	1.184.725	816.900	402.300	7.245	375.629	371.875	3.754
	Đến nợ thực tế	1.348.571	832.160	402.300	7.245	375.629	371.875	3.754

Ghi chú:

- (1) Hạn mức vay của tỉnh Nghệ An năm 2019 theo Luật NSNN: 1.919.103 triệu đồng;
(2) Dự án Rell: Tỉnh tạm bàn giao Điện lực tại QĐ số 5761/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 (số tạm bàn giao: 226.982 triệu đồng; chuyển trả nợ giai đoạn 2017 trả về trước: 47.876 triệu đồng);

- (3) Số liệu vay lại các dự án ODA năm 2018 đến 31/3/2019: 14.847 triệu đồng (chênh lệch so với số dự kiến đến ngày 31/12/2018): 20.893-14.847 = 6.047 triệu đồng);
(4) Số vay xi măng đến 31/3/2019 tạm tính: 7.245 triệu đồng (Báo cáo số 851/STC-HX ngày 02/4/2019 của Sở Tài chính). *ffz*

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG
6 tháng đầu năm 2019

ĐVT: Triệu đồng

TT	Cấp Ngân sách	Dự toán	Đã sử dụng	Còn lại	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Tỉnh	188.394	61.651	126.743	32,7%	Chi tiết biều 6.1
2	Huyện	167.989	34.906	133.083	20,8%	Chi tiết biểu 6.2
3	Xã	51.499	25.750	25.750	50,0%	Tiến độ thực hiện
	Tổng	407.882	122.306	285.576	30,0%	

Huy

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ
DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
TỔNG SỐ			61.650,5
I	CHI CÁC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN, PHÒNG CHỐNG DỊCH		31.954,5
1	BCH Biên phòng tỉnh	Hỗ trợ lực lượng, phương tiện trực tiếp tham gia tìm kiếm cứu nạn tàu An 95038 TS	277
2	Chi cục chăn nuôi và thú ý	Kp giám sát dịch bệnh trên tôm nuôi phục vụ xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh	466
		Kp phòng chống dịch tả lợn Châu Phi đợt 1 trên địa bàn tỉnh	364
		Kinh phí chống dịch bệnh gia súc, gia cầm thủy sản đợt 1; hỗ trợ chốt kiểm dịch tạm thời; tổ công tác lưu động liên ngành; vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường	1.045
		Hỗ trợ kinh phí trực phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi đợt 2 năm 2019	238
		Kinh phí mua hóa chất tiêu độc khử trùng và vắc xin phòng, chống dịch gia súc	1.988
3	Hưng Nguyên	Hỗ trợ người dân có gia súc bị tiêu hủy	100
4	Các huyện	Kp phòng bệnh lùn sọc đen hại lúa vụ Hè thu năm 2018	5.918
5	Các huyện	Hoàn trả ngân sách huyện kinh phí đã chi hỗ trợ khôi phục sản xuất bị thiệt hại do mưa lụt năm 2016, bão số 2, số 10, áp thấp nhiệt đới, lùn sọc đen năm 2017 (sử dụng dự phòng: 5.567,175; tạm sử dụng NST: 15.962,113)	21.559
II	HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH ÁCH YẾU		29.696,0
1	Công ty TNHH MTV thủy lợi Tân Kỳ	Tu sửa kênh hồ Khe Dứa	456
2	Sở Giao thông vận tải	Cải tạo, nâng cấp, vượt lũ tinh lộ 534, đoạn qua huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	1.500
3	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp khẩn cấp một số đoạn tuyến đê Tả Lam, tỉnh Nghệ An (gói thầu số 3: phần xây lắp, sửa chữa, nâng đê đoạn từ K93+287,5-K95+170)	1.200
		Xây dựng kè chống sạt lở bờ biển xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu	7.000
		Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Lam đoạn qua xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương (chi phí xây lắp)	1.440
4	UBND huyện Diễn Châu	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Truông, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu (chi phí xây lắp)	1.500
		Tuyên đường tránh lũ và cứu hộ, cứu nạn cho các xã Diễn Trung, Diễn An, Diễn Phú, Diễn Lộc và Diễn Lợi, huyện Diễn Châu (giai đoạn 1)	1.500

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
5	UBND huyện Tân Kỳ	Đầu tư theo lệnh khẩn cấp xây dựng cầu Khe Chui và đường hai đầu cầu tại xã Hương Sơn, huyện Tân Kỳ	4.000
		Cầu thay thế tràn trên tuyến đường nguyên liệu mía xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	1.500
6	UBND huyện Tương Dương	Di dời khẩn cấp 34 hộ dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất tại xã Lượng Minh huyện Tương Dương	3.000
7	UBND huyện Yên Thành	Đường giao thông cứu hộ, cứu nạn từ bờ tả sông Sò xã Phú Thành đi dọc kênh Vách Bắc đến sông Bàu Chèn xã Liên Thành, huyện Yên Thành (đoạn: Km 10+00-Km14+00)	1.500
		Sửa chữa, nâng cấp cầu, tràn đập Đức Quang xã Đức Thành, huyện Yên Thành	2.000
		Sửa chữa, nâng cấp đập Cửa Thờ xã Tây Thành, huyện Yên Thành	1.600
		Sửa chữa, nâng cấp đập Hồ Sú (khe nước Vàng ngoài xã Kim Thành, huyện Yên Thành)	1.500

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ
DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

ĐVT: *triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng dự toán năm 2018	<i>Trong đó:</i>		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	Còn lại
			Dự toán HĐND huyện giao đầu năm trước	Chuyển nguồn năm trước		
1	Thành phố Vinh	14.038	11.308	2.730	1.393	12.645
2	Hưng Nguyên	6.538	5.972	566	5.889	649
3	Nam Đàn	7.290	7.290	0	3.366	3.924
4	Nghi Lộc	9.074	9.074		2.248	6.826
5	Diễn Châu	12.746	12.746		4.336	8.410
6	Quỳnh Lưu	11.660	11.660		6.251	5.409
7	Yên Thành	13.012	13.012		4.611	8.401
8	Đô Lương	19.936	8.773	11.163	11.678	8.258
9	Thanh Chương	20.233	11.954	8.279	500	19.733
10	Anh Sơn	7.800	7.800		638	7.162
11	Tân Kỳ	8.464	8.464		5.580	2.884
12	Nghĩa Đàn	7.200	7.200		144	7.056
13	Quỳ Hợp	7.688	7.688		400	7.288
14	Quỳ Châu	4.650	4.650		1.649	3.001
15	Quế Phong	6.632	6.632		700	5.932
16	Con Cuông	6.140	6.071	69	2.563	3.577
17	Tương Dương	9.466	6.966	2.500	5.900	3.566
18	Kỳ Sơn	8.850	8.850		884	7.966
19	Cửa Lò	3.378	3.332	46	700	2.678
20	Thái Hòa	4.011	4.011		600	3.411
21	Hoàng Mai	4.535	4.535		229	4.306
Tổng cộng:		193.341	167.988	25.353	60.259	133.082

Huy